

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 30/2020/DS-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thơ và ông Nguyễn Đăng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà PH Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST - DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXX-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Xuân T** - sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 1, khu 7, phường V, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Ông **Đương Mạnh C**, sinh năm 1978- Là luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Văn phòng luật sư H, tổ 18, khu 2, phường H, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lê Vĩnh B** - sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ 1, khu 7, phường V, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Hợp tác xã sản xuất kinh doanh và dịch vụ Nông lâm nghiệp Việt Hưng.

Địa chỉ: UBND phường Vg, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

*Người đại diện: Ông **Bùi Hữu S** – Giám đốc hợp tác xã. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long.

Địa chỉ: Phố Bến Đuan, phường Hồng Gai, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP. Hạ Long. (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 6 năm 2020). Có mặt.

3.2. Bà Trần Thị L – sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ 1, khu 7, phường V, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/12/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lê Xuân T trình bày:

Hộ gia đình tôi trước đây có 03 nhân khẩu gồm: Bà Hoàng Thị H (mẹ tôi), anh Lê Vĩnh B (anh trai tôi) và tôi Lê Xuân T. Thời điểm năm 1994, thực hiện chính sách giao đất nông nghiệp S xuất, Hợp tác xã V giao lại ruộng cho nhân khẩu lao động và quy định là mỗi nhân khẩu lao động chỉ được nhận ruộng cày là 1,5 sào và ruộng để trồng hoa màu là 6 thước ruộng ở bãi. Khi được nhận ruộng, chính ông Nguyễn Gia V lúc đó là đội trưởng đội S xuất nông nghiệp hợp tác xã V đã dẫn mẹ tôi là bà H đi để nhận ruộng. HTX nông nghiệp V đã giao cho 03 nhân khẩu trong gia đình tôi 03 thửa đất ruộng thể hiện tại: Thửa đất trồng lúa số 155, tờ bản đồ số 14, diện tích 560m²; Thửa đất trồng lúa số 284, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.060m²; Thửa đất trồng màu số 532, tờ bản đồ số 07, diện tích 492m².

Năm 1996 UBND huyện Hoàn Bô cấp GCNQSD đất số 00296 ngày 01/10/1996 cho cả 03 thửa đất trên vào một sổ với diện tích là 2.112m², do không biết chữ nên mẹ tôi đã nhờ anh B đứng tên làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho nên sổ đỏ mang tên anh trai tôi là Lê Vĩnh B.

Hàng năm tôi đều tham gia và nộp S phẩm cho hợp tác xã theo đúng luật định. Tôi nghĩ ruộng đứng tên một người nhưng vẫn là của chung nên vẫn yên tâm canh tác, không có ý kiến gì.

Đến năm 2013 tôi đã làm đơn xin tách riêng 02 thửa là: Thửa đất trồng lúa số 155, tờ bản đồ số 14, diện tích 560m² và thửa đất trồng màu số 532, tờ bản đồ số 07, diện tích 492m². Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp V đã đồng ý cho tách và cấp Sổ sử dụng đất nông nghiệp mới đối với 02 thửa đất trên cho tôi. Từ đó đến nay tôi vẫn quản lý, sử dụng ổn định, đóng thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước đầy đủ.

Đến năm 2016 dự án cao tốc Hạ Long - Vân Đồn triển khai đã lấy vào phần đất nông nghiệp tại thửa 532, tờ bản đồ số 07 thuộc khu ruộng Bãi Đình của gia đình tôi đang canh tác, mà người đứng tên sổ đất là anh B. Anh B đã đứng ra nhận mọi khoản đền bù và hỗ trợ của nhà nước đối với phần ruộng đã lấy vào. Nhưng từ khi nhận được tiền đến nay, anh B không hề cho tôi được hưởng 1 chút quyền lợi nào mặc dù tôi vẫn đóng góp với hợp tác xã đầy đủ.

Ngày 23/12/2015 đại diện Hợp tác xã đã mời tôi và anh B lên UBND phường Việt Hưng để lập biên bản về việc tranh chấp đất nông nghiệp, thành phần gồm ông Bùi Hữu S (Chủ nhiệm Hợp tác xã), bà Phạm Thị L (Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã), ông Nguyễn Văn T (Khu Trưởng khu 7 - Đội trưởng đội S xuất), anh Lê Vĩnh B và tôi. Theo biên bản hòa giải ngày 23/12/2015 thì anh B cũng nhất trí gồm 3 nhân khẩu được hưởng ruộng, mỗi người được hưởng 704 m² gồm: bà Huệ, tôi và anh B, mọi người cùng ký tên và xác nhận, có đóng dấu chứng nhận của HTX Việt Hưng, TP. Hạ Long.

Tuy nhiên anh B lại cho rằng cả 02 thửa đất còn lại là của anh B, trong đó có thửa số 155, tờ bản đồ số 14 của tôi. Tranh chấp giữa anh em tôi đã được UBND phường hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến năm 2019 có dự án của Nhà máy lắp ráp ô tô tập đoàn Toyota lấy tiếp tục 2 thửa đất này, anh B cũng lấy hết số tiền được đền bù mà cũng không cho tôi được hưởng 1 chút quyền lợi nào.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long tuyên bố thừa số 155, tờ bản đồ số 14, diện tích 560 m² là của tôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Mạnh C nhất trí quan điểm của ông T.

Bị đơn ông Lê Vĩnh B trình bày: Gia đình tôi gồm có 05 người: Tôi, vợ tôi (bà Trần Thị L) và 03 người con của tôi được UBND huyện Hoành Bồ xét cấp cho 03 thửa đất nông nghiệp số 155, 284, 532 tại xã Việt Hưng, huyện Hoành Bồ (nay là phường Việt Hưng, TP. Hạ Long) tỉnh Quảng Ninh để S xuất nông nghiệp trồng lúa, trồng màu và gia đình tôi đã được UBND huyện Hoành Bồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 01/10/1996, tôi là chủ hộ đứng tên đại diện. Từ khi giao đất nông nghiệp, gia đình tôi đã liên tục quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, thực hiện việc nộp nghĩa vụ thuế nông nghiệp, phí thủy lợi... đúng theo quy định của Hợp tác xã điều đặ đến nay. Trong quá trình sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp này, gia đình tôi không cho ai thuê mướn, không chuyển nhượng, tách thửa đất cho ai hết.

Từ khi có Phương án thu hồi đất ở phường Việt Hưng để làm đường cao tốc Hạ Long- Vân Đồn, xảy ra việc tranh chấp giữa ông T với gia đình tôi. Ông T cho rằng thửa đất đã được đền bù giải phóng mặt bằng thửa số 532 và thửa đất trồng lúa số 155 là của ông T. Gia đình tôi không chấp nhận việc này, ông T đã nhiều lần chửi vợ chồng con cái tôi, đập phá làm hư hỏng nhà cửa của con tôi, đánh con tôi.. và nay lại kiện tôi ra Tòa án để đòi quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 155. Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thửa đất số 155 này là một trong ba thửa đất gia đình tôi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã trực tiếp quản lý sử dụng, làm nghĩa vụ với Nhà nước như tôi đã trình bày ở trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị L trình bày: Bà đồng ý với quan điểm của ông Lê Vĩnh B, không bổ sung trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đình Văn H – đại diện theo ủy quyền của UBND TP. Hạ Long trình bày :

Năm 1996 UBND huyện Hoành Bồ (nay là UBND TP. Hạ Long) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 588486 cho ông Lê Vĩnh B, địa chỉ tổ 1, khu 7, phường Việt Hưng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh với diện tích đất nông nghiệp được sử dụng là 2.112m² gồm 03 thửa đất là thửa số 155, tờ bản đồ số 14, thửa số 284 tờ bản đồ số 14 và thửa số 532 tờ bản đồ số 07 là đúng theo quy định của pháp luật. Việc Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Việt Hưng cấp Sổ sử dụng đất nông nghiệp đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14 và thửa số 532 tờ bản đồ số 07 cho ông Lê Xuân T là tách thửa và cấp Sổ đất nông nghiệp để quản lý, thu thủy lợi phí và các khoản thu khác cho hợp tác xã, chứ không có quyền cấp quyền sử dụng đất cho ông T.

Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông Lê Vĩnh B: Tại thời điểm năm 2001, khi xã Việt Hưng được sáp nhập về TP. Hạ Long, UBND huyện Hoành Bồ cũ đã bàn giao toàn bộ hồ sơ liên quan đến đất đai của xã Việt Hưng cho TP. Hạ Long quản lý theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa tìm thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Vĩnh B (cụ thể là Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất), chỉ tìm thấy Quyết định số 254/QĐ-UB ngày

23/10/1996 về việc giao ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, kèm danh sách có tên ông Lê Vĩnh B.

Tại thời điểm năm 2016, thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Hạ Long- Vân Đồn, hộ ông Lê Vĩnh B bị thu hồi thửa 532, tờ bản đồ số 07, quá trình thực hiện bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng đã được thực hiện theo đúng quy định. Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Bản chứng nhận nhà, đất và tài S trên đất do UBND phường Việt Hưng xác nhận, Trung tâm PTQĐ thành phố đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền cho hộ ông Lê Vĩnh B là đúng đối tượng.

Thực hiện dự án Khu công nghiệp Việt Hưng giai đoạn 2, UBND thành phố đã thu hồi của hộ ông Lê Vĩnh B 02 thửa đất (gồm thửa đất số 155 và thửa đất số 284, tờ bản đồ số 14). Trung tâm PTQĐ thành phố đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Vĩnh B và trình UBND thành phố phê duyệt phương án tại Quyết định số 9505/QĐ-UBND ngày 12/11/2019), với tổng số tiền là 418.720.000 đồng (trong đó thửa đất số 155, được bồi thường, hỗ trợ 143.360.000 đồng). Việc Trung tâm PTQĐ thành phố đã thực hiện chi trả tiền bồi thường hỗ trợ đối với thửa đất số 155 cho hộ ông Lê Vĩnh B khi thửa đất này có liên quan đến vụ án dân sự số 01/2018/TLST-TCDS ngày 02/01/2018 là chưa đúng quy định tại khoản 3, Điều 30, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trong trường hợp Tòa phán quyết quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 155 thuộc quyền sử dụng của ông T, UBND thành phố sẽ có phương án thu hồi lại số tiền đã chi trả cho ông Lê Văn B để lập lại hồ sơ, phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Xuân T theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Việt Hưng- đại diện ông Bùi Hữu S- Giám đốc Hợp tác xã trình bày:

Về việc sử dụng đất nông nghiệp của ông T và ông B tại thửa số 155 từ năm 1996 đến năm 2013: Ông T và ông B cùng làm và cùng quản lý, về nghĩa vụ đối với hợp tác xã 2 ông đều đóng góp. Năm 1996, UBND huyện Hoàn Bò cấp sổ đỏ cho các hộ xã viên trong đó có hộ ông B, lúc đó UBND huyện chỉ cấp đất cho những đối tượng phải là xã viên cũ, ai đứng tên chủ hộ sẽ là người đại diện đứng tên trong sổ đỏ, nhưng thực tế trong hộ có nhiều lao động được cấp đất cùng chung trong sổ đỏ. Hộ ông B lúc đó có 03 người là: Bà Huệ (mẹ ông B), ông B và ông T, nên Hợp tác xã xác định sổ đỏ giao đất cho ông B năm 1996 là giao cho cả ba người. Thửa đất nông nghiệp số 155 do ông T và ông B cùng quản lý, sử dụng đất và đóng góp nghĩa vụ từ 1996 đến năm 2013, nên đến năm 2013 khi ông T có đơn xin tách thửa 155 cho ông T, Hợp tác xã đã tách cho ông T để ông T đóng góp riêng cho Hợp tác xã với lý do thời hạn giao đất trong sổ đỏ quá dài, quá trình quản lý đất nông nghiệp, Hợp tác xã thấy có nhiều bất cập và việc tách đất là thực hiện theo Nghị quyết của Hợp tác xã. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo biên bản hòa giải ngày 23/12/2015 mà ông B đã đồng ý ký vào biên bản.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng đúng các quy định pháp luật giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân T, buộc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng:*

- Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa ông Lê Xuân T với ông Lê Vĩnh B là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu S tại phiên tòa. Xét thấy ông S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T về việc đề nghị Tòa án tuyên bố thừa số 155, tờ bản đồ số 14, diện tích 560 m² là của ông T.

Nhận thấy:

Ngày 01/10/1996 UBND huyện Hoàn Bô (nay là UBND TP. Hà Long) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 588486 cho ông Lê Vĩnh B, địa chỉ tổ 1, khu 7, phường Việt Hưng, TP. Hà Long, tỉnh Quảng Ninh với diện tích đất nông nghiệp được sử dụng là 2.112m² gồm 03 thửa đất: thửa số 155, tờ bản đồ số 14, thửa số 284 tờ bản đồ số 14 và thửa số 532 tờ bản đồ số 07.

Theo ông Lê Vĩnh B trình bày: Thời điểm khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình ông có 05 người: Ông, vợ ông (bà Trần Thị L) và 03 người con của ông, trong đó ông là chủ hộ nên việc UBND huyện Hoàn Bô cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông là đúng quy định của pháp luật, ông B cho rằng tại thời điểm cấp đất năm 1996 thì ông Lê Xuân T không có hộ khẩu trong gia đình ông nên ông T không có phần đất nào trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Hoàn Bô đã cấp cho hộ gia đình ông năm 1996 và ông cũng khẳng định ông Lê Xuân T chưa từng bao giờ làm xã viên Hợp tác xã, còn ông làm xã viên từ năm 1967. Ngoài ra ông B còn trình bày: Ngày 23/12/2015 ông được ông Bùi Hữu S là chủ nhiệm Hợp tác xã mời lên Hợp tác xã làm việc và lập Biên bản về việc chia tách đất của ông như nội dung trong biên bản ngày 23/12/2015, theo ông thì ông S chia tách đất như vậy là không đúng pháp luật, ông ký vào biên bản để mục đích ông S phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm sai của mình, chứ bản thân ông không đồng ý chia đất vì đó là đất của gia đình ông.

Theo ông Lê Xuân T trình bày: Việc năm 1996 UBND huyện Hoàn Bò cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên ông Lê Vĩnh B là do mẹ ông (bà Hoàng Thị Huệ) không biết chữ đã nhờ ông B đứng tên làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, chứ thực tế hộ gia đình ông lúc đó gồm 03 nhân khẩu: ông, mẹ ông (bà Huệ- đã mất năm 2004) và ông B đã được Hợp tác xã giao đất nông nghiệp để sử dụng chung, nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mặc dù mang tên ông B nhưng thực chất là của ông, ông B và mẹ ông. Bản thân ông là xã viên Hợp tác xã từ năm 1992. Năm 2013 ông T có đơn xin tách đất và Hợp tác xã Nông Lâm Nghiệp Việt Hưng đã đồng ý tách giao cho ông được sử dụng diện tích đất: Thửa 155 tờ bản đồ số 14, diện tích 560m² và thửa số 532, tờ bản đồ số 07, diện tích 492m².

Tại Biên bản xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ lập hồi 10 giờ 45' ngày 17/8/2020 tại Công an phường Việt Hưng của Tòa án nhân dân TP. Hà Long thể hiện: Trong hệ thống sổ KV2 chỉ lưu giữ nhân khẩu của từng hộ từ những năm 2016 đến nay, còn thời kỳ 2016 trở về trước Công an phường Việt Hưng không còn lưu trữ.

Tại Công văn số 3450/CATP-QLHC ngày 18/9/2020 của Công an thành phố Hà Long thể hiện: Qua tra cứu hồ sơ lưu trữ tàng thư tại Công an thành phố Hà Long, thể hiện: Hộ ông Lê Vĩnh B và hộ ông Lê Xuân T, trú tại khu 7, phường V, TP. Hà Long không có tài liệu thể hiện tại thời điểm năm 1996, mà chỉ có tài liệu tại thời điểm năm 2001, thì hộ ông B gồm 05 nhân khẩu: Lê Vĩnh B- Chủ hộ, nghề nghiệp: Làm ruộng; Trần Thị L- Vợ chủ hộ, nghề nghiệp: Làm ruộng và 03 người con đều là học sinh; Hộ ông T gồm 05 nhân khẩu: Hoàng Thị H- Chủ hộ, nghề nghiệp: Làm ruộng; Lê Xuân T- Con chủ hộ, nghề nghiệp: Lao động tự do; Phạm Thị Nguyệt- Con dâu chủ hộ, nghề nghiệp: Nội trợ và 02 con của Lê Xuân T đều là học sinh.

Tại Biên bản xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ lập hồi 10 giờ 00' ngày 17/8/2020 tại khu 7, phường Việt Hưng của Tòa án nhân dân TP. Hà Long thể hiện: Qua làm việc với ông Nguyễn Văn Biên là bảo vệ khu 7, phường Việt Hưng, ông Vũ Trung D là cán bộ Mặt trận tổ quốc phường Việt Hưng và ông Vũ Tuấn L là Công an khu vực, thì các ông này cho biết: Trước năm 1996 ông B đã đi bộ đội về và lấy vợ ra ở riêng cùng vợ con, bà H mua nhà của ông Đ, bà H1 để sống riêng cùng với anh T, kể từ khi anh B lấy vợ (trước năm 1996) anh B không sống chung cùng với bà H và anh T.

Tại Biên bản xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ lập hồi 08 giờ 30' ngày 17/8/2020 tại UBND phường Việt Hưng của Tòa án nhân dân TP. Hà Long thể hiện: Qua làm việc với ông Nguyễn Ngọc X- nguyên là Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp Việt Hưng thời kỳ trước năm 1996 đến 2004, ông X cho biết: Thời kỳ trước năm 1996 ông làm chủ nhiệm Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp Việt Hưng nên ông khẳng định bà Hoàng Thị H và ông Lê Vĩnh B là xã viên Hợp tác xã. Theo ông được biết thời kỳ đó UBND huyện Hoàn Bò cấp sổ đỏ cho hộ gia đình với điều kiện chủ hộ phải là xã viên Hợp tác xã. Ông khẳng định bà L (vợ ông B) và ông Lê Xuân T lúc đó không phải là xã viên của Hợp tác xã Việt Hưng. Đối với các thành viên trong hộ khẩu gia đình ông B thời kỳ năm 1996 ông không nắm được.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án lập hồi 10 giờ 00' ngày 18/8/2020 tại Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp Việt Hưng thể hiện: Do thời gian đã lâu nên Hợp tác xã không còn lưu giữ danh sách xã viên hợp tác xã thời kỳ năm 1996 trở về trước. Thời kỳ năm

1996 ông Bùi Hữu S (Nay là giám đốc Hợp tác xã) chỉ là xã viên của Hợp tác xã nên ông không biết rõ ông Lê Xuân T lúc đó có phải xã viên Hợp tác xã hay không. Theo ông S việc UBND huyện Hoàn Bô cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là cấp cho nhân khẩu lao động, theo ông thời đó ông T cũng là thành viên của hộ ông B.

Tại đơn đề nghị xin tách đất nông nghiệp ngày 14/3/2013 và tại đơn đề nghị ngày 28/02/2016 của ông T có xác nhận của ông Nguyễn Gia V nguyên là Đội Trưởng đội S xuất Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp Việt Hưng thể hiện: Năm 1994 ông làm Đội trưởng đội S xuất có dẫn bà Hoàng Thị H đi xuống khu vực Cầu Ó để nhận 02 tấm ruộng cấy và 01 tấm ruộng ở Bãi Đình, những người được hưởng diện tích trên gồm có: Bà Hoàng Thị Huệ, Lê Vĩnh B và Lê Xuân T.

Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã yêu cầu UBND huyện Hoàn Bô và UBND TP. Hạ Long cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông Lê Vĩnh B. Tại Công văn số 1204/UBND-TNMT ngày 08/6/2018 của UBND huyện Hoàn Bô trả lời: Từ ngày 17/9/2001 đến ngày 20/9/2001 (thời điểm xã Việt Hưng sáp nhập vào TP. Hạ Long) thì toàn bộ hồ sơ liên quan đến công tác địa chính xã Việt Hưng đã được phòng Địa chính huyện Hoàn Bô bàn giao cho phòng Địa chính Đô thị thành phố Hạ Long (nay là phòng Tài nguyên- Môi trường). Tại Công văn số 762/TN & MT ngày 15/7/2019 của Phòng Tài nguyên- Môi trường TP. Hạ Long trả lời: Sau khi kiểm tra hồ sơ lưu kho và các tài liệu liên quan thì không thấy có hồ sơ gốc về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông Lê Vĩnh B năm 1996 lưu tại Phòng Tài nguyên- Môi trường TP. Hạ Long.

Tại Công văn số 9378/UBND ngày 28/9/2020, UBND thành phố Hạ Long trả lời: Việc UBND huyện Hoàn Bô (nay là TP. Hạ Long) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông Lê Vĩnh B (là chủ hộ đứng tên đại diện) là đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm năm 2001, khi xã Việt Hưng được sáp nhập về TP. Hạ Long, UBND huyện Hoàn Bô cũ đã bàn giao toàn bộ hồ sơ liên quan đến đất đai của xã Việt Hưng cho TP. Hạ Long quản lý theo quy định. Tuy nhiên, do việc sắp xếp, chuyển kho tài liệu lưu trữ đến nay vẫn chưa tìm thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông Lê Vĩnh B.

Từ những tài liệu, chứng cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm năm 1996 việc giao đất nông nghiệp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Hoàn Bô (nay là TP. Hạ Long) là giao và cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, chủ hộ là lao động trực tiếp S xuất nông nghiệp đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận, nên Giấy chứng nhận tại thời điểm năm 1996 chỉ ghi tên một người đại diện. Do đó việc UBND huyện Hoàn Bô đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông gia đình ông B mà đại diện là ông Lê Vĩnh B đứng tên là đúng quy định của pháp luật. Việc Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp Việt Hưng chia tách đất nông nghiệp và cấp Sổ sử dụng đất nông nghiệp đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 532, tờ bản đồ số 07 cho ông Lê Xuân T trong khi ông Lê Vĩnh B đã được UBND huyện Hoàn Bô cấp Giấy chứng nhận đối với 02 thửa đất nêu trên là không đúng quy định của Luật đất đai thời điểm đó, việc chia tách này muốn thực hiện được phải trên cơ sở thỏa thuận đồng ý của ông Lê Vĩnh B về việc cho ông Lê Xuân T sử

dụng 02 thửa đất và việc chia tách này chỉ là để quản lý, theo dõi việc sử dụng đất nông nghiệp và thu các khoản phí dịch vụ theo Nghị quyết của HTX, chứ không phải Chứng nhận ông T có quyền sử dụng thửa đất đó.

Để xác định ông T có phải là người cũng có quyền sử dụng đối với các thửa đất mà UBND huyện Hoàn Bò đã cấp cho hộ ông B năm 1996 hay không thì cần phải căn cứ vào những tài liệu như: Sổ hộ khẩu của hộ gia đình ông B tại thời điểm năm 1996, danh sách xã viên Hợp tác xã thời điểm năm 1996 và Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông B năm 1996... Tuy nhiên, do khi sáp nhập xã Việt Hưng, huyện Hoàn Bò vào TP. Hạ Long (thời điểm năm 2001), công tác lưu trữ hộ khẩu, lưu trữ danh sách xã viên Hợp tác xã và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như lưu trữ các tài liệu có liên quan khác của các cơ quan, tổ chức nhà nước và doanh nghiệp có nhiều tác trách, dễ lẫn lộn không tìm thấy và cũng có thể làm mất tài liệu, dẫn đến Tòa án không thể thu thập được những tài liệu cần thiết để chứng minh ông T đã từng có tên trong hộ khẩu của gia đình ông B thời điểm năm 1996 và tài liệu để chứng minh ông T có phải là viên Hợp tác xã thời điểm năm 1996 hay không. Mặc dù ông Lê Xuân T, ông Bùi Hữu S (Giám đốc Hợp tác xã) và ông Nguyễn Gia Việp (nguyên là đội trưởng đội S xuất Hợp tác xã) đều cho rằng ông T là xã viên Hợp tác xã, có tên trong hộ khẩu gia đình ông B thời điểm năm 1996 và ông T là người được hưởng diện tích đất mà UBND huyện Hoàn Bò đã cấp năm 1996 cho hộ ông B. Nhưng lời trình bày của ông T, ông S và ông Việp lại mâu thuẫn với lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc Xuyên nguyên Chủ nhiệm HTX Việt Hưng thời kỳ 1996 (ông Xuyên khẳng định anh T năm 1996 không phải là xã viên HTX Việt Hưng). Do đó những tài liệu, chứng cứ trên chưa đủ cơ sở để khẳng định ông T có quyền sở hữu chung đối với những thửa đất mà UBND huyện Hoàn Bò đã cấp cho hộ ông B năm 1996 (trong đó có thửa đất 155 tờ bản đồ số 14).

Khoản 5 Điều 70 BLTTDS 2015 quy định: *“Đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”*.

Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về: Nghĩa vụ chứng minh:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Ông Lê Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14, diện tích 560m² là của ông Lê Xuân T, nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quyền sở hữu của mình đối với thửa đất này.

Trong vụ án này mặc dù Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ cần thiết để giải quyết vụ án, nhưng những chứng cứ Tòa án thu thập được cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được quyền sở hữu của ông T với thửa đất 155. Vì vậy không có cơ sở để xác định thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14, diện tích 560m² là của ông Lê Xuân T như yêu cầu khởi kiện của ông T được.

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về việc giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Nội dung khác:

- Trong trường hợp nếu các tài liệu, chứng cứ mà ông T cung cấp và những tài liệu do Tòa án thu thập có đủ căn cứ khẳng định ông T từng có hộ khẩu chung với ông B năm 1996, từng là xã viên Hợp tác xã năm 1996... thì chỉ đủ cơ sở xác định ông T có quyền sử dụng đất chung đối với 2.112,0m² đất nông nghiệp tại 03 thửa đất (thửa số 155, thửa số 284 và thửa số 532) ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông B năm 1996 cùng với bà Huệ (mẹ ông T) và ông B, chứ không có cơ sở nào để xác định thửa đất số 155 là của riêng ông T. Trong trường hợp này ông T phải khởi kiện chia tài S chung mới đúng quy định của pháp luật.

- Do hiện nay thửa đất số 155 tờ bản đồ số 14 đã được Nhà nước đã thu hồi làm dự án (đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này, đất cũng đã được đưa vào triển khai làm dự án), nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không có cơ sở để xem xét, thẩm định tại chỗ hay định giá tài S đối với thửa đất này được.

- Về việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hạ Long đã thực hiện chi trả tiền bồi thường hỗ trợ đối với thửa đất số 155 tờ bản đồ số 14 cho hộ ông Lê Vĩnh B trong khi thửa đất này có liên quan đến vụ án dân sự số 01/2018/TLST-TCDS ngày 02/01/2018 (giữa nguyên đơn: Ông Lê Xuân T và ông Lê Vĩnh B, đều trú tại phường Việt Hưng, TP Hạ Long) là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 70, Điều 91, Điều 96, Điều 97, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 158; Điều 166 và Điều 221 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 1, 3 Điều 2 Luật đất đai 1993; Khoản 29, 30 Điều 3, Điều 166, Điều 170 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;

- Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 31/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố thửa đất số 155, tờ bản đồ số 14, diện tích 560 m² là của ông T.

2- Về án phí: Ông Lê Xuân T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí này được khấu trừ đi số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đồng (một triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002421 ngày 27/12/2017 của Chi cục

thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, ông T được nhận lại số tiền là 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

3- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND TP. Hạ Long;
- Chi cục THA dân sự TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Định